

PHỤ LỤC SỐ 9

GIA ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGUYÊN BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn

Đơn vị tính: đồng/m²

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn	I	1.535.000	733.000	366.000	183.000
	II	1.066.000	533.000	266.000	133.000
	III	762.000	381.000	190.000	95.000
	IV	546.000	273.000	136.000	67.000
	V	393.000	196.000	97.000	56.000

2. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	Loại xã	Khu vực	Vị trí			
			1	2	3	4
1	Loại 2	Khu vực 1	210.000	105.000	52.000	42.000
		Khu vực 2	118.000	59.000	44.000	35.000
		Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000
2	Loại 3	Khu vực 1	68.000	40.000	30.000	25.000
		Khu vực 2	45.000	30.000	25.000	20.000
		Khu vực 3	30.000	25.000	20.000	18.000

3. Bảng giá đất chuyên trồng lúa nước hai vụ

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	65.000	48.000	34.000
		Vùng 2	50.000	38.000	26.000
		Vùng 3	38.000	29.000	20.000
2	Loại 2	Vùng 1	48.000	36.000	25.000
		Vùng 2	36.000	28.000	19.000
		Vùng 3	28.000	20.000	14.000
3	Loại 3	Vùng 1	28.000	20.000	14.000
		Vùng 2	20.000	16.000	11.000
		Vùng 3	16.000	12.000	8.500

- Trường hợp thửa đất chuyên trồng rau và đất chuyên trồng hoa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng này.

4. Bảng giá đất trồng một vụ lúa và một vụ màu/năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	59.000	44.000	31.000
		Vùng 2	46.000	35.000	24.000
		Vùng 3	35.000	26.000	19.000
2	Loại 2	Vùng 1	44.000	33.000	23.000
		Vùng 2	33.000	25.000	18.000
		Vùng 3	25.000	19.000	13.000
3	Loại 3	Vùng 1	25.000	19.000	13.000
		Vùng 2	19.000	14.000	10.000
		Vùng 3	14.000	11.000	7.500

- Trường hợp thửa đất ruộng bậc thang trên sườn đồi thì giá đất được tính bằng 0,9.

- Trường hợp thửa đất chuyển sang trồng mía thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

5. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	54.000	40.000	28.000
		Vùng 2	42.000	32.000	22.000
		Vùng 3	32.000	24.000	17.000
2	Loại 2	Vùng 1	40.000	30.000	21.000
		Vùng 2	30.000	23.000	16.000
		Vùng 3	23.000	17.000	12.000
3	Loại 3	Vùng 1	23.000	17.000	12.000
		Vùng 2	17.000	13.000	9.000
		Vùng 3	13.000	10.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng một vụ lúa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm khác có địa hình dốc >15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

6. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	52.000	38.000	27.000
		Vùng 2	40.000	30.000	21.000
		Vùng 3	30.000	22.000	16.000
		Vùng 1	38.000	28.000	20.000

2	Loại 2	Vùng 2	28.000	21.000	15.000
		Vùng 3	21.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	21.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	8.000
		Vùng 3	12.000	9.000	7.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

7. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vị trí		
		1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	7.500	4.500	2.200
2	Loại 2	5.400	3.500	1.700
3	Loại 3	4.000	2.600	1.200

8. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	37.000	32.000	22.000
		Vùng 2	32.000	28.000	20.000
		Vùng 3	28.000	22.000	16.000
2	Loại 2	Vùng 1	32.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	22.000	16.000
		Vùng 3	22.000	16.000	11.000
3	Loại 3	Vùng 1	22.000	16.000	11.000
		Vùng 2	16.000	12.000	9.000
		Vùng 3	12.000	10.000	7.000

9. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thị trấn (trừ đất lâm nghiệp)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Thị trấn	Vùng 1	68.000	49.000	35.000
		Vùng 2	52.000	39.000	27.000
		Vùng 3	39.000	29.000	21.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm có địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

10. Giá đất để tính tiền thuê đất với Nhà nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất khai thác khoáng sản được quy định chung: 80.000 đồng/m².

B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC, VÙNG VÀ VỊ TRÍ ĐẤT

I. THỊ TRẤN NGUYÊN BÌNH

Bao gồm 5 loại đường phố từ I đến V.

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1. Đường phố loại I

Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền nằm trên các đoạn đường sau:

- Từ Nhà văn hóa Tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Vi (Tổ 4);
- Từ Quốc lộ 34 theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, lên hết nhà bà Lưu Thị Liên (Tổ 3).

*** Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại I:**

a) Vị trí 2

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Lục Văn Nguyên (Tổ 3), theo đường lên trường Nội trú đến hết nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3);
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Quốc lộ 34 vào Trường Mầm non thị trấn Nguyên Bình đến hết nhà ông Lương Văn An (Tổ 4);
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Páo (Tổ 2) đến trụ sở Công an huyện;

b) Vị trí 3

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết trường Nội trú;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết Trạm Khí tượng thủy văn;
- Đất có mặt tiền từ nhà ông Nguyễn Văn Hải (Tổ 3) đến hết nhà bà Lưu Thị Diệp (Tổ 3);
- Đất có mặt tiền đoạn đường từ cổng trụ sở Công An huyện theo đường vào cụm dân cư sau trụ sở Công an huyện đến hết nhà bà Nguyễn Thị Độ (Tổ 2).

1.2. Đường phố loại II

- Từ nhà văn hóa Tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Trương Mạnh Sào (Tổ 1);

- Từ nhà bà Hoàng Thị Vi (Tổ 4), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nguyễn Hữu Thìn (Tổ 5);

- Từ tiếp giáp nhà bà Lưu Thị Liên (Tổ 3), theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân huyện đến hết nhà ông Hoàng Văn Tuân (Tổ 3);

- Từ Trung tâm bưu chính viễn thông huyện theo đường lên Phòng Giáo dục- Đào tạo đến hết Phòng Giáo dục- Đào tạo;

- Các vị trí đất mặt tiền đường xung quanh đình chợ.

*** Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại II:**

a) Vị trí 1

- Đường UBND huyện rẽ vào nhà văn hóa tổ 3,4;

- Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại II.

b) Vị trí 2

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà ông Triệu Văn Quý (Tổ 1), theo đường vào Công ty Nhà máy nước đến công ty Nhà máy nước;

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã tư đường rẽ đi Bệnh viện đến cầu Pác Măn và từ đầu cầu Pác Măn dọc theo đường bờ sông đến cầu Vạn Diệc;

- Đất có mặt tiền đoạn từ tiếp giáp nhà văn hóa tổ dân phố 2 đến công trường Phổ thông trung học huyện Nguyễn Bình.

c) Vị trí 3

Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ đường rẽ gần công Trung tâm Chính trị huyện theo đường nhánh vào đến nhà ông Bàn Tiến Sơn (Tổ 1).

1.3. Đường phố loại III

a) Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III;

- Từ tiếp giáp từ nhà ông Trương Mạnh Sào (Tổ 1) theo QL34 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà bà Lãnh Thị Ân (xóm Nà Kéo).

*** Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại III:**

b) Vị trí 2

Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34 theo tỉnh lộ 202 đến của Khuổi Giảo.

1.4. Đường phố loại IV

- Từ tiếp giáp nhà bà Lãnh Thị Ân (xóm Nà Kéo) đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Mạc Thanh Mến (xóm Nà Kéo);

- Từ cầu Pác Măn qua phố Cũ theo đường tránh Quốc lộ 34 đến ngã ba Nà Kéo;

- Từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Thìn (Tổ 5), theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Sen (Tổ 5).

*** Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại IV:**

a) Vị trí 1

Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại IV.

b) Vị trí 4

Các vị trí đất còn lại của đường phố loại IV và đất các xóm Bó Seo, Bản Luộc, Nà Bon.

1.5. Đường phố loại V

a) Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại V:

- Từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Sen (Tổ 5), theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình giáp xã Thề Dục;
- Từ cầu Pác Măn dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến tiếp giáp xã Thề Dục.

*** Xác định vị trí cụ thể của đường phố loại V:**

a) Vị trí 2

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Tuân (Tổ 3) đến hết nhà văn hóa xóm Bản Luộc;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba công phụ Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà bà Nông Thị Vĩnh (Tổ 3);
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Phố Cũ đến nhà văn hóa xóm Pác Măn trong;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Dương Văn Khảm đến Nhà máy Xi măng cũ;
- Từ tiếp giáp nhà ông Mạc Thanh Mên xóm Nà Gọn theo quốc lộ 34 đi thành phố Cao Bằng đến hết địa phận thị trấn.

b) Vị trí 3

Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Nà Phiêng, theo đường vào xóm Nà Kéo đến hết đường mà xe công nông đi lại được.

c) Vị trí 4

Gồm đất còn lại của xóm Nà Kéo và đất tại các xóm Thôm Sắn, Cốc Tắm, Khuổi Khiếu.

2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Thuộc phạm vi khu vực xen kẽ khu dân cư dọc Quốc lộ 34 qua hết địa phận thị trấn Nguyên Bình (giáp xã Minh Thanh và xã Thề Dục);
- Từ cầu bệnh viện qua phố cũ theo đường tránh Quốc lộ 34 đến ngã ba Nà Kéo.

b) Vùng 2

- Từ nhà bà Dương Thị Mỹ (Tổ 2), theo đường vào Trạm cấp nước đến khe Nà Sưa;
- Từ nhà bà Hà Thị Hợp (Tổ 2), theo đường lên Trường Nội trú đến sân trường;
- Từ nhà ông Hoàng Văn Tuân (Tổ 3), theo đường vào Bản Luộc đến hết đường ô tô đi lại được;
- Đất nông nghiệp khu Khuổi Bó.

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn.

II. THỊ TRẤN TỈNH TỨC

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1. Đường phố loại III

Đoạn đường từ Cầu 1 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông: Lý Văn Luân (hết tường rào Trường Tiểu học thị trấn Tỉnh Túc).

1.2. Đường phố loại IV

- Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến Cầu 3;
- Đoạn đường giáp nhà ông Lý Văn Luân, theo Quốc lộ 34 đến hết công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc- Công ty Khoáng sản;
- Đoạn đường từ Quốc lộ 34, theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe ô tô đi lại được.

a) Vị trí 2

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 lên đến công Xí nghiệp Fê rô (cũ);
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 lên đến công trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Tỉnh Túc;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 xuống đến Bệnh viện đa khoa Tỉnh Túc;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 (gần quán ăn dịch vụ Phúc Lợi) xuống dãy nhà khu lương thực cũ đến hết nhà ông Nông Văn Quảng.

1.3. Đường phố loại V

- Từ công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị Trấn Tỉnh Túc (giáp xã Phan Thanh);
- Từ Cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tỉnh Túc (giáp xã Thê Dục và xã Quang Thành).

*** Xác định vị trí đất cụ thể của đường phố loại V (không có vị trí 1)**

a) Vị trí 2

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc, theo Quốc lộ 34 đến đường rẽ đi xã Vũ Nông;
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Cầu 3, dọc theo Quốc lộ 34 đến Cầu.

b) Vị trí 3

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ đường rẽ đi xã Vũ Nông, dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh);
- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ Cầu 6, dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thề Dục và xã Quang Thành).

c) Vị trí 4

Các vị trí đất xóm Phiêng Cà, Nặm Sâu và các xóm còn lại.

2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ ngã ba Quang Thành, Thề Dục, Tĩnh Túc, theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận Tĩnh Túc (tiếp giáp xã Phan Thanh).

*** Xác định vị trí cụ thể:**

- + Vị trí 1: Đất có mặt tiền từ cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết Khu kiến trúc lịch sử Truyền thống, văn hóa mở thiếc Tĩnh Túc.
- + Vị trí 2: Gồm các thửa đất nằm trong phạm vi 2 bên các trục đường sau:
 - Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ cầu 3 theo Quốc lộ 34 đến ngã ba Quang Thành, Thề Dục, thị trấn Tĩnh Túc;
 - Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp khu kiến trúc lịch sử Truyền thống văn hóa mở thiếc Tĩnh Túc theo Quốc lộ 34 đến ngã ba Phan Thanh (hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc);
 - Từ Quốc lộ 34 theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe công nông đi lại được;
 - Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường nhánh rẽ từ Quốc lộ 34 xuống đến Bệnh viện đa khoa Tĩnh Túc;
 - Đất nông nghiệp thuộc cánh đồng Nặm Kép.

b) Vùng 3

Phạm vi các khu đất còn lại thuộc địa bàn.

III. CÁC XÃ THUỘC HUYỆN NGUYỄN BÌNH

Bao gồm xã loại 2 và xã loại 3.

CÁC XÃ LOẠI 2

1. Xã Thề Dục

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận thị trấn Nguyên Bình, dọc theo Quốc lộ 34, dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến ngã ba (đường rẽ đi xã Triệu Nguyên).

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xã Triệu Nguyên đến hết nhà ông Hoàng Văn Hoà(Mây); và các vị trí đất tiếp sau vị trí 1 của các xóm Bản Nùng 1, Bản Nùng 2 dọc Quốc lộ 34;

- Đoạn từ ngã ba đường đi Triệu Nguyên dọc theo Quốc lộ 34 đến giáp xã Quang Thành và thị trấn Tĩnh Túc.

+ Vị trí 3: Đất tại các xóm Bản Nùng 1, Bản Nùng 2 không thuộc đất dọc theo Quốc lộ 34.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 1: Đất tại các xóm Phja Toọc, Pác Bó, Nặm Bjoóc.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Gồm các thửa đất nằm trong phạm vi 2 bên trục đường từ tiếp giáp Thị trấn Nguyên Bình, dọc theo Quốc lộ 34, dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến đầu cầu (nhà ông Hoàng Văn Hoà).

b) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ cầu treo Pác Bó, theo đường vào xóm Pác Bó đến Nhà văn hóa xóm Phja Toọc.

c) Vùng 3

Các vị trí đất còn lại thuộc địa bàn.

2. Xã Minh Thanh

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ nhà bà Đặng Thị Tuyên (xóm Vũ Ngược) dọc theo đường Quốc lộ 34 đến cầu Tà Sa.

+ Vị trí 3:

- Đất có mặt tiền của các đoạn đường thuộc xóm Nà Luộc, Nà Khoang, Vũ Ngược.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 2:

Đất có mặt tiền từ đầu cầu xóm Bản Hồ đến nhà ông Đinh Văn Duyệt (xóm Bản Hồ).

+ Vị trí 3:

- Đất có mặt tiền từ Quốc lộ 34 đến nhà công đồng xóm Nà Roong;

- Đất không có mặt tiền của các đoạn đường thuộc các xóm Bản Hỏ, Nà Khoang, Vũ Ngược, Nà Luộc, Tổng Say, Nà Tổng.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại

2.2. Phân vùng và vị trí đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Từ nhà bà Đặng Thị Tuyên (xóm Vũ Ngược) theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Minh Thanh theo hướng đi thành phố Cao Bằng.

b) Vùng 2

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi hai bên đường nhánh vào Bản Hỏ, Vũ Ngược, Nà Khoang, Tổng Say, Nà Tổng, Nà Luộc.

c) Vùng 3

Các vị trí đất còn lại thuộc địa bàn.

3. Xã Lang Môn

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1:

- Đất có mặt tiền từ tiếp giáp ranh giới (giáp xã Bắc Hợp) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Ngọc Văn Sự.

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xóm Kẻ Già đến hết nhà ông Nông Sâm Mạnh;

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1:

- Đất có mặt tiền từ ngã ba Quốc lộ 34 lên đến cổng Trường cấp II, III Nà Bao;

- Đất có mặt tiền từ đường rẽ lên xã Minh Tâm đến ngã ba đường vào chợ Nà Bao (mở mới song song với Quốc lộ 34).

- Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường mở mới song song Quốc lộ 34 nối từ đường đi Minh Tâm đến chợ Nà Bao

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền từ nhà ông Nông Sâm Mạnh theo đường đi Kẻ Già đến hết nhà ông Hoàng Văn Thắng;

- Đất có mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ nhà bà Trần thị Tuyết đến hết địa phận xã Lang Môn (giáp xã Hoàng Tung, huyện Hòa An).

+ Vị trí 3:

- Đất mặt tiền từ nhà ông Hoàng Văn Thắng theo đường 135 đi xóm Kê Già- Kê Sy đến giáp đường Quốc lộ 34;

- Đất có mặt tiền thuộc các xóm Nà Po, Nà Piao, Lũng Hính, Nà Nội 1, Nà Nội 2.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại thuộc khu vực 2.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 1:

Đất có mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Ngọc Văn Sự theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Trần Thị Tuyết;

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 từ giáp nhà ông Ma Thế Hùng đến hết địa phận xã Lang Môn (giáp địa phận xã Bắc Hợp).

+ Vị trí 3: Không có vị trí 3.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Từ đất giáp ranh (tiếp giáp xã Bắc Hợp) theo Quốc lộ 34 đến hết đất ruộng nhà ông Trần Nông Huân (xóm Nà Bao).

b) Vùng 2

- Từ tiếp giáp đất nhà ông Trần Nông Huân (xóm Nà Bao), theo Quốc lộ 3 đến hết địa phận xã Lang Môn (giáp xã Hoàng Tung, huyện Hòa An) ;

- Từ ngã ba Quốc lộ 34 theo đường 135 (Nà Bao- Kê Già- Kê Sy) đến giáp Quốc lộ 34.

Từ Quốc lộ 34 theo đường đi xóm Lũng Hính đến giáp đất nhà ông Hoàng Minh Tường (xóm Lũng Hính).

Từ giáp nhà ông Khang Lương Bằng (xóm Nà Piao) theo đường đi xóm Nà Piao đến giáp nhà ông Lục Lý Đô (xóm Nà Piao).

- Từ đất vườn nhà Ông Lương Xuân Thắng (xóm Nà Po) đến hết đất ruộng nhà ông Ma Việt Điền (xóm Nà Po);

- Từ nhà ông Hoàng Văn Tùng (xóm Nà Lặng) đến giáp nhà ông Lục Văn Tuyên (xóm Nà Lặng).

c) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn.

4. Xã Bắc Hợp

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền từ tiếp giáp nhà ông Ma Thế Hùng dọc theo Quốc lộ 34 đến nhà ông Mạc Văn Căn (xóm Bản Ính).

b) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền tiếp giáp nhà ông Mạc Văn Căn dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Tô Thị Giá (xóm Bản Ính).

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã từ nhà bà Đoàn Thị Hơn (xóm Bản Nua) đến hết nhà ông Hoàng Văn Duy, xóm Bản Chang.

+ Vị trí 4:

- Đất có mặt tiền dọc đường liên xã từ nhà máy thủy điện Tà Sa đến hết nhà ông Lưu Văn Nội.

c) Khu vực 3

+ Vị trí 3:

- Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 qua hết địa phận xã, đất tại xóm Bản Ính;

- Đất tại các xóm Bản Chang, Đông Rẻo, Bản Nua, Tà Sa không thuộc đất mặt tiền đường trục xã.

+ Vị trí 4: Đất tại các xóm Lũng Nặm, Minh Long, Pù Lầu.

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ Quốc lộ 34 (Gò Luồng), rẽ theo đường vào xã đến dốc Cốc Sâu;

- Từ nhà ông Hà Hồng Đổ đến nhà ông Lưu Văn Nội (xóm Tà Sa);

- Từ nhà ông Mạc Văn Căn xóm Bản Ính dọc theo QL 34 đến phân trường Pù Lầu;

- Từ nhà ông Đoàn Văn Gián (xóm Bản Nua) qua trụ sở UBND xã đến hết nhà ông Hoàng Văn Thuận (xóm Bản Chang).

*** Xác định vị trí cụ thể:**

+ Vị trí 2: Từ nhà ông Đoàn Văn Việt (xóm Đông Rẻo) đến nhà bà Nông Thị Vơn (xóm Đông Rẻo); khu đất từ nhà ông Nông Văn Quán (xóm Đông Rẻo) đến khu ruộng Nà Vực (đường lên xóm Lũng Nặm); từ khu ruộng Nà Cúm (Bản Chang) qua nhà ông Nông Văn Chấn đến khu ruộng Bó Phóng (Bản Chang).

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn.

5. Xã Minh Tâm

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 4:

Đất khu vực đồng bằng tại các xóm Thôm Phát, Gòi Gà; và đất các xóm Bản Cải Kéo Gặm, Bản Cải, Pác Phai, Nà Ca, Đông Chang không thuộc đất mặt tiền đường liên huyện.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 1:

- Đất có mặt tiền từ đầu cống trước cửa nhà ông Mạc Trung Văn theo trục đường liên huyện đến cầu Nà Hẩu.

- Từ ngã ba đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến nhà trung bày khu di tích hang Kéo Quảng.

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền theo đường liên huyện từ cầu Nà Hẩu đến hết Nhà văn hoá xóm Bản Cải;

- Đất có mặt tiền tiếp giáp trường cấp I, II (Đầu cống trước cửa nhà ông Mạc Trung Văn) đến ao Pác Cáp cạnh nhà ông Hà Lê Văn.

+ Vị trí 3: Đất tại khu vực đồng bằng tại các xóm Bản Cải cũ, Phiêng Sa, Khuôn Nộc, Nà Lặng, Kéo Gạm thuộc mặt tiền đường trục xóm.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Từ Trạm xá xã, theo đường di tích lịch sử Minh Tâm- Hồng Việt đến giáp nhà ông Nông Đoạn Xó (xóm Đông Chang).

*** Xác định vị trí cụ thể:**

+ Vị trí 2: Gồm các thửa đất nằm trong phạm vi 2 bên các trục đường sau:

- Từ nhà ông Nông Đoạn Xó (xóm Đông Chang), theo đường di tích lịch sử Minh Tâm- Hồng Việt đến giáp nhà văn hóa xóm Bản Cải;

- Từ nhà ông Hà Ngọc Hân đường nhánh xóm Thôm Phát đến giáp hồ Nà Xum;

- Từ cổng làng Nà Ca theo đường nhánh xóm Nà Ca đến giáp nhà ông Nông Ma Cẩn;

- Từ ngã ba gần nhà văn hoá xóm Bản Cải theo đường nhánh xóm Bản Mầu đến giáp hồ Thôm Luông;

- Từ nhà ông Trương Văn Rinh (xóm Nà Lặng) theo đường nhánh xóm Nà Lặng, xóm Khuôn Nộc đến giáp nhà văn hoá xóm Khuôn Nộc;

- Từ ngã ba nhà văn hoá xóm Bản Cải theo đường nhánh xóm Bản Cải - Kéo Gạm đến hồ Khuổi Phắc;

- Từ ngã ba Nà Giàng đến cống quân sự Giọc Mò xóm Gòi Gà;

- Từ đầu hồ Pác Cáp đến trạm y tế xã.

b) Vùng 3

Các khu đất nông nghiệp còn lại của xã.

6. Xã Tam Kim

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 2

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc đường 202 từ nhà ông Hồ Nông Cường đến đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

+ Vị trí 3: Đất các xóm Nà Mạ, Nà Múc, Phai Khắt, Bản Um, Nà Vạ, Nà Dù, An Mã, Pác Dài.

+ Vị trí 4: Đất vị trí các xóm còn lại.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Gồm các thửa đất nằm trong phạm vi 2 bên các trục đường sau:

- Từ nhà ông Lưu Minh Hải (xóm Nà Múc), theo đường 202 đến nhà ông Trương Văn Môn (xóm Phai Khắt);

- Từ ngã ba đường Tam Kim - Hưng Đạo theo đường Tam Kim - Hưng Đạo đến khu Khuổi Rùng;

- Từ đường 202, theo đường rẽ vào xóm Bản Um, đến nhà ông Tô Quang Thiết (xóm Bản Um);

- Từ ngã ba đường Tam Kim - Hoa Thám, theo đường Tam Kim - Hoa Thám đến hết địa phận xã Tam Kim giáp xã Hoa Thám.

- Đất nông nghiệp dọc theo đường rẽ Nà Hoảng đến nhà ông Bàn Phúc Biên (xóm Nà Hoảng);

- Từ nhà ông Nông Văn Cao, theo đường Tam Kim- Quang Thành, đến nhà ông Nông Phúc Yêu (xóm Nà Mạ).

c) Vùng 3

+ Vị trí 3: Các khu đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

7. Xã Thành Công

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền từ nhà ông Du Hồng Vi, theo đường 212 đến đường rẽ lên trường cấp I (xóm Phja Đén).

+ Vị trí 2:

- Đất hai bên trục đường xã từ nhà ông Lý Phúc Kiên xóm Bản Đổng đến Trường Tiểu học xóm Bản Đổng;

- Đất có mặt tiền dọc đường 212 từ nhà ông Du Hồng Vi đến hết nhà ông Nông Văn Tâm;

- Đất có mặt tiền dọc đường Phan Thanh từ ngã ba đường 212 đến giáp xã Phan Thanh;

- Đất có mặt tiền dọc đường 212 từ trường cấp I đến nhà ông Chu Văn Năm;

- Đất có mặt tiền từ ngã ba đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết nhà bà Lâm Thị Thanh (xóm Phja Đén).

b) Khu vực 3

+ Vị trí 3:

- Đất các vị trí khác tại xóm Phja Đén;

- **Đất tại các xóm: Khau Càng, Bản Đổng, Bản Chang, Nà Bản, Tát Slâm.**

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Từ nhà Ông Du Hồng Vi (xóm Phja Đén) theo đường 212 đến đường rẽ lên trường cấp I.

b) Vùng 2

- Đất hai bên trục đường từ nhà ông Lý Phúc Kiên xóm Bản Đổng đến trường tiểu học Bản Đổng;

- Đất hai bên đường từ ruộng (Linh Niu) của ông Triệu Tuần Minh (xóm Bản Chang) đến nhà ông Bàn Hữu Phú (xóm Bản Chang);

- Từ tiếp giáp nhà ông Du Hồng Vi (xóm Phja Đén) đến Trường cấp II Phja Đén;

- Từ đường 202 theo đường đi Phan Thanh đến hết địa phận xã Thành Công;

- Từ trường cấp I theo đường 202 đến nhà ông Du Văn Nàm;

- Từ đường 202 theo đường đi trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến nhà ông Triệu Văn Chung;

- Từ xóm Khau Càng theo đường trục xã đến xóm Nà Rẻo.

c) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại.

CÁC XÃ LOẠI 3:

1. Xã Quang Thành

1.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã từ nhà ông Đặng Quỳnh Nàn đến hết trạm xá xã.

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc đường trục xã từ giáp nhà ông Đặng Quỳnh Nàn đến đường 212;

- **Đất có mặt tiền đường trục xã từ Trạm xá đến hết địa phận xã Quang Thành (giáp xã Tam Kim).**

+ Vị trí 3:

- Đường 212 đến trung tâm xóm Lũng Mười đến hết địa phận đường Lũng Mười;

- Từ trung tâm xóm Nà Lừa rẽ vào xóm Nà Khuổi đến hết nhà ông Bàn Văn Lợi;

- Từ trường cấp 2 vào xóm Dẻ Giã đến hết đường vào khu căn cứ; vào xóm khuổi xả đến hết nhà ông Bế Hạ Long.

+ Vị trí 4: các vị trí đất còn lại

b) Khu vực 3

+ Vị trí 3:

- Từ đoạn cầu treo đến hết đoạn đường khu căn cứ chiến đấu Quang Thành;

- Từ đường 212 xuống xóm Lũng Mười đến hết đường 135 đi xóm Vài Khao.

+ Vị trí 4: Đất các vị trí khác còn lại.

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Đất nông nghiệp thuộc phạm vi hai bên đường từ đường 202 theo đường xã đến giáp xã Tam Kim;

+ Vị trí 2:

- Đường khu căn cứ chiến đấu đến trung tâm xóm Khuổi Xá;

- Đường từ xóm Nà Lừa kéo dài đến xóm Nà Hảy;

- Từ đường 212 xuống đến trung tâm xóm Lũng Mười dọc theo hai bên đường;

- Từ nhà ông Đặng Minh Tuyên xóm Nà Lèng đến hết nhà ông Bàn Sảnh Páo xóm Lũng Mười.

b) Vùng 3

+ Vị trí 3 : Các khu vực đất nông nghiệp còn lại.

2. Xã Thái Học

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 3: Đất có mặt tiền dọc đường trục xã từ giáp địa phận xã Minh Thanh đến giáp xã Bình Lãng, huyện Thông Thông.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 3: Đất tại các xóm Lũng Vài, Lũng Chang, Lũng Ỉn, Lũng Rào, Bản Chang, Lũng Kèng, Cốc Căng, Toong Chinh không thuộc mặt tiền trục đường xã.

+ Vị trí 4: Đất tại các vị trí khác còn lại.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ giáp xã Minh Thanh theo đường trục xã đến hết địa phận xã Thái Học giáp Bình Lãng, Thông Nông.

b) Vùng 3

- Từ ngã ba Lũng Chang đến kéo Quang Noọc (xóm Lũng Chang);
- Từ Bó Kim đến Tông Chinh (xóm Cốc Căng);
- Từ Nhà văn hoá xã đến hết trường Lũng Ỉn;
- Các khu đất còn lại thuộc địa bàn.

3. Xã Hoa Thám

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 3:

- Đất có mặt tiền dọc theo trục đường xã từ tiếp giáp xã Tam Kim đến hết Nhà văn hoá xóm Cảm Tem;
- Đất tại các xóm Thang Coong, Cảm Tem.
- Đất có mặt tiền từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường Hoa Thám - Quốc lộ 3 đến hết nhà ông Triệu Văn Xuân (xóm Khuổi Hoa).

b) Khu vực 3

+ Vị trí 4: Đất các vị trí khác còn lại.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường Tam Kim - Hoa Thám, từ nhà ông Chu Văn Kinh đến đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

b) Vùng 3

Đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

+ Vị trí 1: Các thửa đất nông nghiệp có mặt tiền tiếp giáp đường Hoa Thám - Quốc lộ 3 từ nhà bà Lý Thị Muồng đến nhà ông Lý Văn Thiêm.

+ Vị trí 3: Các thửa đất còn lại.

4. Xã Triệu Nguyên

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã, từ ranh giới hành chính hai xã Vũ Nông và Triệu Nguyên đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Triệu Nguyên.

+ Vị trí 3: Đất có mặt tiền từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã dọc theo trục đường Triệu Nguyên – Thanh Long đến xóm Cốc Gắn (hết địa phận xã Triệu Nguyên).

b) Khu vực 3

+ Vị trí 2: Từ đường rẽ xóm Khuổi Tông đến xóm Khau Khác.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường xã, từ tiếp giáp địa giới xã Vũ Nông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

5. Xã Vũ Nông

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 1:

- Đất có mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 đến ngã ba Ca Thành;

- Đất mặt đường từ Quốc lộ 34 vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 34 cũ tính từ đoạn rẽ ngã ba Ca Thành đến hết địa phận xã Vũ Nông.

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền từ Quốc lộ 34 xuống xóm Lũng Nội.

+ Vị trí 3: Đất có mặt tiền từ Quốc lộ 34 cũ xuống xóm Xiên Pèng;

- Đất có mặt tiền từ tiếp giáp xã Triệu Nguyên dọc theo hai bên trục đường Lũng Báng, Lũng Kim.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Thuộc phạm vi hai bên đường xã gồm: từ Quốc lộ 34 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã; từ tiếp giáp xã Triệu Nguyên (Lũng Báng) đến xóm Lũng Khoen.

- Đoạn đường từ trục chính vào xã rẽ theo đường ô tô đi được đến nhà ông Bàn Sành Phúc (xóm Lũng Tý).

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

6. Xã Yên Lạc

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc trục Quốc lộ 34 cũ.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc đường Lũng Súng, Tàn Pà.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 3

+ Vị trí 1: Đất nông nghiệp có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 34 cũ từ phần giáp ranh xã Ca Thành đến hết địa phận xã (giáp xã Đình Phùng).

+ Vị trí 2: Đất nông nghiệp có mặt tiền tiếp giáp đường Lũng Súng- Tàn Pà.

+ Vị trí 3: Các thửa đất còn lại.

7. Xã Ca Thành

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền từ ngã ba Ca Thành dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã (giáp xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc).

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 cũ từ tiếp giáp xã Vũ Nông đến hết địa phận xã giáp xã Yên Lạc;

- Đất có mặt tiền từ QL 34 vào xóm Khuổi My đến trường trung học cơ sở xã Ca Thành;

- Đất có mặt tiền từ QL 34 vào xóm Xà Pèng đến cống Khuổi Buồn.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền đường vào xóm Nộc Sloa từ tiếp giáp Quốc lộ 34 đến cống Nộc Sloa.

+ Vị trí 2: Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học Ca Thành đến đường rẽ vào xóm Khuổi Mị .

+ Vị trí 4: Vị trí đất còn lại.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Thuộc phạm vi hai bên đường từ ngã ba Ca Thành, theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã (giáp xã Đình Phùng - huyện Bảo Lạc);

- Đất từ tiếp giáp xã Vũ Nông theo trục đường Quốc lộ 34 cũ đến giáp xã Yên Lạc.

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

8. Xã Phan Thanh

8.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 1: Đất có mặt tiền dọc đường liên xã từ ngã ba Xéo Sliăng đến hết đập tràn Lý Boi.

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc trục đường liên xã từ đập Lý Boi đến hết địa giới xã Phan Thanh.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền dọc đường rẽ trục đường xã đi xóm Năm Sơ;

- Đất có mặt tiền dọc trục đường rẽ đường trục xã đi xóm Lũng Cam.

+ Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

8.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Từ Quốc lộ 34 theo đường vào xã Phan Thanh đến gặp đường 212;

- Từ ngã ba Bình Đường theo đường vào xóm Lũng Cam đến hết đường ô tô đi lại được;

- Từ ngã ba Séo Láng theo đường đi xã Mai Long đến hết địa phận xã Phan Thanh.

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

9. Xã Mai Long

9.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+Vị trí 2:

- Đất có mặt tiền dọc theo đường trục xã;

- Đất có mặt tiền dọc theo trục đường lớn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đi chợ Pác Nặm xã Bằng Thành huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 2: Đất các vị trí khác thuộc xóm Nà Lầm, Bó Cạn, Bản Chang.

+ Vị trí 4: Đất các vị trí khác còn lại.

9.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ Phan Thanh theo đường xã đến chợ Pác Nặm.

*** Xác định vị trí cụ thể:**

+ Vị trí 1: Từ công thủy lợi (gần nhà ông Hoàng Văn Phẩm) đi qua xóm Bản Chang đến hết đường ô tô và đoạn đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền tiếp giáp đường trục xã đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Phẩm theo hướng đi Phan Thanh đến hết địa phận xã Mai Long; đoạn từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đi chợ Pác Nặm đến hết địa phận xã Mai Long.

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

10. Xã Hưng Đạo

10.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Đất có mặt tiền dọc theo trục đường xã;

- Từ UBND xã theo đường vào xóm Nà Rì đến nhà văn hóa xóm Nà Rì.

b) Khu vực 3

+ Vị trí 4: Đất các vị trí khác còn lại

10.2. Phân vùng đất nông nghiệp.

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp xã Tam Kim dọc theo trục đường Tam Kim - Nà Chả - Hưng Đạo đến hết đường ô tô đi lại được.

b) Vùng 3

Các khu vực đất nông nghiệp còn lại thuộc địa bàn xã.

11. Xã Thịnh Vượng

11.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

+ Vị trí 3: Đất có mặt tiền dọc Quốc lộ 3 từ nhà ông Nông Văn Siu đến hết nhà ông Chu Trung Thành (xóm Khuổi Thín).

b) Khu vực 3

+ Vị trí 4: Đất tại các vị trí khác còn lại.

11.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 3

+ Vị trí 2: Các vị trí đất nông nghiệp thuộc tiếp giáp Quốc lộ 3.

+ Vị trí 3: Các vị trí đất nông nghiệp còn lại của xã.

***Ghi chú:** Các trường hợp không quy định cụ thể thì áp dụng quy định chung.